MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 4 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Thành.

2. Địa chỉ: Số 113 đường Lê Duẩn, KP. Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai.

3. Công suất thiết kế: …

Tổng số dân được cung cấp nước: khoảng 89.101 người.

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Tuyến ống D1000 từ nhà máy nước Nhơn Trạch (Dự án Nhơn Trạch giai đoạn 1);
- Tuyến ống D500 từ trạm bơm tăng áp KCN Biên Hoà II (Dự án Thiện Tân giai đoạn 1).

5. Thời gian kiểm tra: ngày 3 tháng 11 năm 2026

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 6 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch.	Ngã tư Tín Nghĩa.	UBND phường Long Thành.	Trạm bơm Tam Phước.	KCN Long Thành.	Công ty Vỹ Lợi - KCN 2.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.62	0.71	0.48	0.67	0.72	0.39	0.2-1.0	Đạt
Độ đục (NTU)	0.20	0.23	0.37	0.18	0.26	0.25	2	Đạt
Màu sắc (TCU)	0.37	0.30	0.67	0.22	0.37	0.37	15	Đạt
Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
pH	6.88	6.97	6.95	7.02	6.85	6.93	6.0-8.5	Đạt
Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.71	0.71	0.77	0.77	0.64	0.77	2	Đạt
Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	0.054	0.041	0.044	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 04 tháng 11 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 4 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.
2. Địa chỉ: Đường Huỳnh Văn Nghệ, khu phố Gia Ray 2, phường Xuân Lộc, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:

- Phân xưởng nước Gia Ray: 15.000 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Tâm Hưng Hoà: 10.000 m^3/ngày đêm;
- Trạm Sông Ray: 150 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Định Quán: 4.200 m^3/ngày đêm;
- Phân xưởng nước Tân Phú: 4.200 m^3/ngày đêm;
- Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Phân xưởng nước Gia Ray sử dụng nước hồ Núi Le;
- Phân xưởng nước Tâm Hưng Hoà sử dụng nước hồ Gia Ui;
- Trạm Sông Ray sử dụng nước giếng khoan;
- Phân xưởng nước Định Quán sử dụng nước đập Suối Soong (hồ Ba Giọt);
- Phân xưởng nước Tân Phú: 4.200 m^3/ngày đêm;

5. Thời gian kiểm tra: ngày 3 tháng 11 năm 2026

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 16 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa trạm Định Quán	Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán - ấp Hiệp Quyết, xã Định Quán.	Trường mẫu giáo Phú Hiệp.	Nhà dân – Số 12, phố 1, ấp 1, xã Phú Hoà.	Trạm tăng áp Định Quán - phố 1, ấp 3, xã Phú Vinh	Trường mầm non Tổ Ong Vàng.	**Giới hạn tối đa cho phép**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.57	0.66	0.60	0.47	0.67	0.68	0.2-1.0
5	Độ đục (NTU)	0.40	1.68	0.61	0.63	0.45	1.73	2
6	Màu sắc (TCU)	1.33	2.07	1.55	1.41	1.48	3.03	15
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH	7.59	7.57	7.58	7.53	7.57	7.53	6.0-8.5
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.77	0.65	0.71	0.65	0.71	0.84	2
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Giếng 1 - Trạm Tân Phú.	Giếng 2 - Trạm Tân Phú.	Giếng 3 - Trạm Tân Phú.	Giếng 4 - Trạm Tân Phú.	Giếng 5 - Trạm Tân Phú.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.76	0.37	0.80	0.65	0.44	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.34	0.24	0.23	0.18	0.21	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.50	6.70	6.54	6.76	6.62	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.52	0.52	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Giếng 7 - Trạm Tân Phú.	KCN Tân Phú, phường Tân Phú.	KP8, Lương Thế Vinh, phường Tân Phú.	Nhà dân - Số 116 Nguyễn Tất Thành, KP7, phường Tân Phú.	Nhà dân - Số 200, cây số 123, QL20, xã Tân Phú.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.47	0.35	0.46	0.42	0.80	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.24	0.23	0.21	0.26	0.20	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.69	6.72	6.68	6.70	6.53	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.50)*	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.52	< LOQ *(LOQ=0.50)*	0.52	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 04 tháng 11 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

M.S.D.N: 3600209296 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 4 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Bình.
2. Địa chỉ: Tổ 8, KP22, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:

- Trạm Long Bình: 36.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …
- Khu xử lý Vĩnh An: 10.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Trạm Long Bình sử dụng nước mặt sông Đồng Nai.
- Khu xử lý Vĩnh An sử dụng nước hồ Trị An.

5. Thời gian kiểm tra: ngày 3 tháng 11 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 10 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

T	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa KXL Vĩnh An, khu phố Vĩnh An 1, phường Trị An, thành phố Đồng Nai.	Trường THCS Vĩnh An, KP. Vĩnh An 2, phường Trị An.	Trung tâm y tế khu vực Vĩnh Cửu, KP. Vĩnh An 2, phường Trị An.	Trường mầm non Mã Đà, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Nhà dân - Số 30 Nguyễn Tất Thành, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.64	0.58	0.27	0.68	0.58	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.50	0.64	0.80	1.05	0.94	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.89	1.41	1.71	1.78	1.70	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.74	6.69	6.70	6.57	6.64	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	0.71	0.77	0.77	1.03	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	0.044	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Trường THCS Lê Quý Đôn, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Đảng uỷ phường Trị An, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Trường tiểu học phân hiệu Cây Gáo A, số 93 đường Tôn Đức Thắng, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Trường tiểu học Cây Gáo A, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Nhà dân – Số 87 Tôn Đức Thắng, KP. Vĩnh An 1, phường Trị An.	Giới hạn tối đa cho phép	Đ
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đ
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đ
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	0.01	Đ
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.70	0.72	0.55	0.73	0.62	0.2-1.0	Đ
5	Độ đục (NTU)	1.02	1.01	0.28	0.87	0.57	2	Đ
6	Màu sắc (TCU)	1.92	1.63	0.52	1.55	1.26	15	Đ
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đ
8	pH	6.60	6.52	6.52	6.63	6.63	6.0-8.5	Đ
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.90	0.84	0.64	0.77	0.84	2	Đ
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	0.039	1	Đ

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 04 tháng 11 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đặng Thị Tâm